TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 696/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Phạm Thị Ngọc.
2- Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: *Không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Minh N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 57 đường số M, Tổ N, Ấp Đ, xã H, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 57 đường số M, Tổ N, Ấp Đ, xã H, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 12/4/2018, nguyên đơn ông Vũ Minh N trình bày:

Ông với bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng không hợp nhau, hai người đã ly thân hơn 10 năm nay. Ông xác định tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

* Về con chung có 04 trẻ tên: Vũ Minh V, sinh năm 1992; Vũ Thị Mỹ C, sinh năm 1994; Vũ Minh G, sinh năm 1998 và Vũ Minh S, sinh năm 1998.

Con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu gì.

* Về tài sản chung: Không có.

* Nợ chung: Không có

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 28/5/2018, bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng không hợp nhau, hai người đã ly thân hơn 10 năm nay. Ông N yêu cầu xin ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung có 04 trẻ tên: Vũ Minh V, sinh năm 1992; Vũ Thị Mỹ C, sinh năm 1994; Vũ Minh G, sinh năm 1998 và Vũ Minh S, sinh năm 1998.

Con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu gì.

* Về tài sản chung: Không có.

* Nợ chung: Không có

Do ông Vũ Minh N và bà Nguyễn Thị H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa phải đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Minh N và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm vào Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Việc kết hôn giữa ông Nh và bà H không có giá trị pháp lý.

[3] Xét yêu cầu của ông N xin ly hôn với bà H, căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc ông N và bà H sống chung như vợ chồng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà H là phù hợp.

[4] Về con chung có 04 trẻ tên: Vũ Minh V, sinh năm 1992; Vũ Thị Mỹ C, sinh năm 1994; Vũ Minh G, sinh năm 1998 và Vũ Minh S, sinh năm 1998.

Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn", Hội đồng xét xử buộc ông Vũ Minh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Minh N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vũ Minh N và bà Nguyễn Thị H .

2. Về con chung: Vũ Minh V, sinh năm 1992; Vũ Thị Mỹ C, sinh năm 1994; Vũ Minh G, sinh năm 1998 và Vũ Minh S, sinh năm 1998, đã trưởng thành.

3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Vũ Minh N phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 00032377 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

(08b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Châu Thị Thanh Thà